

“ BÌNH HẢI TƯỚNG QUÂN CHI ẤN ” VÀ NHỮNG ẤN ĐỒNG THỜI HỒNG ĐỨC HIỆN BIẾT Ở VIỆT NAM

PHẠM QUỐC QUÂN



1- Tết Quý Ty - 2013, tôi đến thăm một nhà sưu tập cổ vật tư nhân ở Hà Nội, được chủ nhân khoe một chiếc ấn đồng mới sưu tầm, với tình trạng bảo quản không được tốt lắm, do ấn được tìm thấy ở vùng huyện đảo Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh, nên đã bị chua phèn ở vùng này hủy hoại dưới lòng đất suốt nhiều năm, trước khi nó được lấy lên từ một sự ngẫu nhiên - do người dân canh tác trên mảnh đất trông màu. Lớp patin phủ ngoài đã bị bong tróc,

khiến cho bột đồng ở chuôi và lưng ấn như luôn rụng ra, do người phát hiện không có kinh nghiệm, đã rửa nó quá sớm. Tình trạng của ấn gần đây đã khá hơn nhiều, do được sơ cứu bằng kinh nghiệm dùng chất phụ gia làm ổn định bề mặt. Tuy nhiên, tất cả những thông tin trên quả ấn còn khá nguyên vẹn, để có thể đọc được niên đại và nội dung.

Ấn có màu xanh rỉ đồng, kích thước (10 x 10 x 1.5)cm. Núm ấn hình trụ chuôi vồ, cao 10 cm, có

mặt cắt hình ô van và được đúc khá cầu kỳ, ở giữa thót, trên và dưới phình tròn, khiến cho quả ấn đường bệ, uy nghi. Ở lưng có hai dòng lạc khoản:

Bên trái: "Hong Đức thập niên nguyệt nhật tạo";

Bên phải: "Phụng mệnh Bình Hải Tướng quân chi ấn".

Mặt ấn đúc 8 chữ triện: "Phụng mệnh Bình Hải Tướng quân chi ấn", với kỹ thuật đúc vô cùng tinh xảo, khiến người xem có cảm giác như từng con chữ được đúc rời, rồi ghép lại trên mặt phẳng mà thành. Tuy nhiên, khi nghiên cứu kỹ, mới thấy đây là kỹ thuật "đúc thông phong", khiến cho cả khối chữ như nằm trên một "mặt phẳng rỗng" và mỗi con chữ như có một chân để đỡ, tạo nên một triện thư tuyệt mỹ, ít thấy ở ấn chương Việt Nam (xem ảnh).

Qua dòng lạc khoản và tám chữ Triện trên ấn, chúng ta có thể biết được, đây là quả ấn được đúc vào thời Hồng Đức, đời vua Lê Thánh Tông và quả ấn này là của một vị tướng, phụng mệnh nhà vua, làm nhiệm vụ chỉ huy một đội quân giữ bình yên vùng biển đảo của quốc gia Đại Việt, ít nhất là từ những năm 1479 đến 1497, sau 10 năm, vua Lê Thánh Tông lập niên hiệu thứ hai của thời đại ông trị vì.

Có thể nói, từ "Chân thư" đến "Triện thư" trên quả ấn này để khẳng định, nó được chế tạo vào đúng thời Hồng Đức thứ 10 là hoàn toàn có cơ sở. Tuy nhiên, để tránh cho sự so sánh dài dòng từ thư

pháp, tôi xin được đưa ra một ví dụ, cũng một quả ấn của quân đội, cùng được đúc vào năm ấy, vừa được Bảo tàng Lịch sử Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh sưu tầm, độc giả sẽ thấy ngay được tính chân nguy của tư liệu này.

Đó là quả ấn "Bình Nhung Tướng quân chi ấn"¹, được đúc vào niên hiệu Hồng Đức thứ 10 (năm 1479), cũng có dòng lạc khoản y hệt chiếc ấn trên và dường như nó chỉ khác nhau về thân phận người sở hữu và phiên chế quân đội do vị vua này lập ra cùng năm ấy.

Nếu như quả ấn trên đây đúc cho vị tướng "Bình Hải" thì quả ấn này được đúc cho vị tướng "Bình Nhung". "Nhung" là Tây Nhung, theo quan niệm của tư tưởng nhà nước phong kiến Trung Hoa và Việt Nam xưa, thì để chế ở giữa, bốn phương là "tứ Di": Đông Di, Tây Nhung, Nam Man, Bắc Địch. Như thế, "Nhung" là chỉ Di ở phía Tây.

Trong *Đại Việt sử ký toàn thư*² chép, năm 1479, có hai sự kiện quan trọng là: Tháng 6 năm Kỷ Hợi (1479), xuống chiếu nói về việc đi đánh Bồn Man là Cẩm Công (ở phía Tây, giáp Lào). Trong chiếu nói, lần đánh Bồn Man "sai Thái úy Sùng Quận công Lê Thọ Vực, Đoan Vũ hầu Trịnh Công Lộ, Diên Hà bá Lê Huy Cát, đeo ấn tướng quân, trao cho 20 vạn quân tinh nhuệ, hẹn đến tháng 8 năm nay, chia đường tiến quân. Đến tháng 7, vua xuống chiếu, thân đi đánh nước Ai Lao. Trong chiến dịch đi đánh Ai Lao, "Toàn thư" cho hay, "Chinh Tây Tướng quân Lê Thọ Vực làm tiên phong đi đường chính..." và "Phò mã Đô úy Đông quân Đô đốc phủ Chương Phủ sự Đoan Vũ hầu Trịnh Công Lộ làm Chinh Di Tướng quân, đeo ấn tướng quân".

Sự kiện năm 1479, Lê Thánh Tông đem quân đi đánh Bồn Man và Ai Lao, là một sự kiện lớn, làm rung chuyển cả Vân Nam, Trung Quốc, ghi một cột mốc chói lọi thời đại Lê Thánh Tông mà quả ấn "Bình Nhung Tướng quân chi ấn" là một minh chứng.

Ấn "Bình Hải" không được ghi danh trong sử liệu như "Bình Nhung", bởi sự kiện Bình Nhung liên quan tới việc nhà vua dẹp giặc, lại được sở hữu bởi Phò mã Trịnh Công Lộ, hẳn Sử quan không thể bỏ qua. Tuy nhiên, nếu ở thời Hồng Đức, sử sách có ghi nhiều đến những câu chuyện Bình Nhung hay Bình Man, thì việc Bình Hải của Đại Việt là một công việc còn hệ trọng hơn cả, khi vị vua tài ba, anh minh, nhìn xa trông rộng như Lê Thánh Tông, sẽ thấy ngay việc giữ yên vùng biển đảo của tổ quốc là



mẫu chốt của công việc dựng nước và giữ nước. Không chỉ có biển Đông và không chỉ có vua Lê Thánh Tông, dường như cả thời đầu triều Lê sơ, việc mở rộng bờ cõi, khẳng định chủ quyền đất nước đã được thực thi khá bài bản ở phía Đông, phía Tây và phía Nam tổ quốc. Điều này đã được sử sách ghi chép, di tích để thơ trên vách núi vách bảo, mà tôi còn được đọc sử liệu, được nghe từ cố giáo sư dân tộc học Từ Chi cùng nhà nghiên cứu Trần Lâm Biền gợi ý từ những ngày xa xưa trong những chuyến đi điền dã cùng các ông.

Tầm quan trọng ấy như là một hằng số của lịch sử dân tộc, mà chỉ trước Lê Thánh Tông chưa đầy thế kỷ đã được vị vua thao lược Trần Nhân Tông thực hành khi còn ở tuổi sung mãn, ngài đã từ bỏ ngai vàng, làm Thái Thượng Hoàng, lập Thiên phái Trúc Lâm, cùng với môn đệ, tu hành ở vùng núi non Yên Tử. Việc Trần Nhân Tông chọn Yên Tử để tu hành, đầu chỉ riêng mục đích tu hành, mà ở đây, ông đã tạo được một vụng gác biển quan trọng để bảo vệ cho Thăng Long - Đại Việt. Cũng như thế, có bao nhiêu đất đai của quốc gia này để Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn lập phủ đệ, nhưng ông lại chọn Kiếp Bạc - thuộc Chí Linh (Hải Dương ngày nay), thì đâu chỉ là phủ đệ, mà với những xưởng thuyền, kho lương, xưởng gốm..., tạo thành một khu quân sự trấn giữ cửa Lục Đầu. Tôi đã hơn một lần khảo sát, đào thám sát khảo cổ học ở Dục Sơn, thuộc hệ thống phòng ngự Kiếp Bạc, đã phát hiện một vụng gác vô cùng tuyệt hảo gần cửa Lục Đầu - nơi chiến thuyền của Nguyên - Mông thường vào Thăng Long qua ngã ấy, thì mới thấy, cái gọi là phủ đệ Kiếp Bạc, thực chất là một chốt chặn cho kinh đô Thăng Long - Đại Việt của quân dân nhà Trần.

Nhận thức về vị trí và vai trò của biển đảo dường như là thường trực của cha ông ta trong dặm dài lịch sử dân tộc, nên việc vua Lê Thánh Tông lập một đội quân “Bình Hải” do một vị tướng chỉ huy, thiết tướng là chuyện tất yếu phải làm, nhưng đã có người nghĩ rằng, mô hình này được sao chép từ phiên chế quân đội có từ thời Minh, khi thấy ở Phúc Kiến (Trung Quốc) có một Vệ Bình Hải, được lập ra từ niên hiệu Hồng Vũ (1368 - 1398), để rồi sau đó xây nên một ngôi thành nổi tiếng to lớn (thành Bình Hải), giữ vai trò như một đơn vị quân đội trấn giữ vùng duyên hải nơi đây.

Việc có hay không sự tham bác một thiết chế Bình Hải thời Hồng Vũ, hẳn còn tiếp tục phải nghiên cứu? Nhưng, ngay từ thời Trần, với việc Trần

Khánh Dư trấn giữ vùng biển Vân Đồn (Quảng Ninh ngày nay) bằng một đội thuyền, được nguy trang là dân bán than, có thể coi là tiền thân của công cuộc “Bình Hải” sau này của thời Lê. Sự xuất hiện một vệ Bình Hải thời nhà Minh và một quả ấn Bình Hải thời Lê sơ, cùng các sự kiện trước đó của triều Trần ở Đại Việt, khiến chúng ta càng có cơ sở tin hơn về tư liệu này, khi tài liệu thành văn còn ít ỏi, do chưa có điều kiện khảo sát kỹ lưỡng. Dầu vậy, dưới góc độ cổ ngoạn, với tư cách là một người giám định, tôi khẳng định đây là chân ngoạn.

“Phụng mệnh Bình Hải Tướng quân chi ấn” là một tư liệu quý hiếm, giúp tìm hiểu thêm về tư tưởng chiến lược của vua Lê Thánh Tông với biển đảo của tổ quốc, nằm trong chiến lược chung của các triều đại phong kiến Việt Nam với biển Đông, đồng thời, tư liệu này còn bổ sung cho việc nghiên cứu phiên chế quân đội, quan chức và nhiều vấn đề lịch sử của triều Lê Thánh Tông, vốn được đánh giá là thời kỳ hoàng kim trong lịch sử thời Lê sơ. Đặc biệt, “Phụng mệnh Bình Hải Tướng quân chi ấn” đã bổ sung cho sưu tập ấn chương Việt Nam nói chung và Hồng Đức nói riêng, vốn vô cùng ít ỏi so với những gì lịch sử và văn bản còn để lại đến hôm nay.

2- Hồng Đức là niên hiệu thứ hai của vua Lê Thánh Tông, từ 1470 đến 1497. Đây là thời kỳ có rất nhiều cải cách, với những thành tựu chính trị, xã hội, kinh tế, văn hóa, khoa học nổi bật. Tuy nhiên, những di sản vật thể của thời này còn lại đến nay không nhiều, đặc biệt là ấn chương, cho dù, công cuộc cải cách của Lê Thánh Tông có liên quan đến việc chế tác, thay đổi, bổ sung, hoàn thiện ấn chương cho các cấp, các ngành khá liên tục³.

Cho đến nay, ấn chương thời Hồng Đức đã biết ở Việt Nam vẹn vẹn có 6 quả, trong đó, bao gồm cả hai ấn tôi đã nói đến ở phần đầu bài viết này.

Năm 2005, Nguyễn Công Việt⁴ dựa trên công bố của Nguyễn Văn Huyền⁵ có khảo cứu lại chiếc ấn phát hiện được ở thôn Hào Nam, quận Đống Đa, Hà Nội. Đó là chiếc ấn “Thuần tượng Hậu vệ Bảo lâm Hữu sở chi ấn”, có niên hiệu Hồng Đức năm thứ 24 (1493). Đây là quả ấn của chỉ huy đơn vị Hậu sở Bảo lâm thuộc Hậu vệ Thuần tượng trong Cẩm Y vệ- lực lượng quân đội bảo vệ hoàng cung ở kinh thành lúc đó.

Ở Bảo tàng Lịch sử tại thành phố Hồ Chí Minh đã lưu giữ từ những năm 80 của thế kỷ trước, đó là quả ấn⁶ “Quảng Nam đẳng xứ Tán trị Thừa tuyên Sứ ty chi ấn”, được đúc vào niên hiệu Hồng Đức thứ

hai (1471). Đây là ấn hành chính của vị quan Tân trị, Thừa tuyên Quảng Nam sau khi đã bình Chiêm, mở rộng Đại Việt. Bảo tàng Thành phố Hồ Chí Minh cũng vừa sưu tầm được hai quả ấn thời Hồng Đức. Quả thứ nhất "Phủ Bình phủ Nho học", có niên hiệu Hồng Đức năm thứ 18 (1487). Đây là quả ấn có liên quan tới Nho học Việt Nam, vốn được tôn vinh dưới thời đại Lê Thánh Tông trị vì và những vua Lê sùng Nho sau đó.

Quả ấn thứ hai, tôi mới chỉ biết sơ bộ thông tin, với một dòng lạc khoản "Hồng Đức nhị thập niên nguyệt nhật (tạo?)" (1489). Một thông tin ít ỏi khác, với hai chữ "Thuận Hóa" trên dòng lạc khoản bên phải lưng ấn, còn tất cả đều bị mờ, không rõ chữ. Ngay cả "triện thư" trên mặt ấn cũng chưa thể đọc được (từ những cán bộ Bảo tàng và người sở hữu, trước khi nó là tài sản của Bảo tàng này), thì quả là sự khó khăn để giải mã. Tuy nhiên, với hai chữ "Thuận Hóa" khiến có thể chắc nhiều phần, đây là quả ấn có liên quan tới Thừa tuyên Thuận Hóa vì Lộ Thuận Hóa được đặt từ đầu thời Lê sơ, nhưng đến năm 1466 đã được đổi thành Thừa tuyên, trong đó có Thừa tuyên Thuận Hóa. Tháng 4 năm Hồng Đức 21 (1490) các Thừa tuyên đổi sang Xứ. Như vậy, xét theo logic, tôi vẫn cho rằng, đây là chiếc ấn hành chính có liên quan tới Thừa tuyên. Đây mới chỉ là giả thiết, theo đó thông tin về quả ấn này vẫn cần tiếp tục tìm hiểu thêm.

Còn một quả ấn khác, được nhà sưu tập Dương Minh Chính đưa đến trưng bày ở Nhà Triển lãm Đình Tiên Hoàng, Hà Nội, xuân 2012, với một thông báo đôi dòng trên vụng tập "Thú chơi cổ ngoạn của người Hà Nội xưa"⁷ rằng, ấn nặng 1,7kg, niên hiệu Hồng Đức thứ 10 (1479). Tôi đã có lần đến thăm Dương Minh Chính, mong muốn nắm thêm thông tin chiếc ấn này, nhưng vô vọng vì nó đã không còn trên đất Hà Nội.

Như vậy, ấn Hồng Đức còn lại đến hôm nay là vô cùng ít ỏi. Tuy nhiên, với sự nỗ lực của ngành Bảo tồn - Bảo tàng, 4 trong 6 quả ấn ấy đã nằm trong sưu tập của bảo tàng công lập, 1 quả hiện đang nằm trong sưu tập tư nhân, 1 quả chưa biết ở đâu. Điều đó đặt ra cho công tác nghiên cứu, sưu tầm của các bảo tàng cần được đẩy mạnh hơn, sự đầu tư của nhà nước cần tăng thêm, để những hiện vật hiếm hoi và quý giá này về đúng với địa chỉ, nhằm phát huy giá trị hiệu quả hơn.

3- Trên đây, tôi mới chỉ làm nhiệm vụ thông báo sơ bộ về những chiếc ấn thời Hồng Đức hiện

biết ở Việt Nam mà chưa bỏ công khảo cứu kỹ lưỡng về quan chức, địa danh, phiên chế quân đội, tổ chức hành chính, cũng như nhiều vấn đề khác của lịch sử qua những thông tin liên quan tới những chiếc ấn này. Ngay cả tư liệu mới nhất về chiếc ấn "Phụng mệnh Bình Hải Tướng quân chi ấn" cũng chưa có điều kiện tìm hiểu vị tướng sở hữu chiếc ấn ấy là ai, phiên chế quân Bình Hải thời Lê Thánh Tông là gì? Họ đã có bao nhiêu chiến công trong sự nghiệp Bình Hải mà sử sách đã từng ghi lại? Và, quan chức, tước phong của vua ban cho vị tướng này lớn đến đâu...? Hẳn còn phải mất nhiều công sức tra cứu, truy tìm. Thế nhưng, vì sự "sốt dẻo" của phát hiện này và vì sự mong muốn bảo tàng nhà nước cần sưu tầm ngay chiếc ấn nói trên, nên tôi đã vội vã viết bài này để độc giả nói chung, những nhà quản lý văn hóa và bảo tàng nói riêng thấy được giá trị vô cùng to lớn của "Bình Hải Tướng quân chi ấn" và trữ lượng vô cùng ít ỏi của sưu tập ấn thời Hồng Đức để sớm có động thái sưu tầm. Chỉ có hiện vật trong tay, việc nghiên cứu tiếp theo sẽ được kỹ lưỡng hơn, theo đó, chắc chắn sẽ bổ sung nhiều tư liệu đáng quý cho lịch sử thời đại này. Qua đây, tôi cũng kêu gọi những nhà nghiên cứu đầu tư nhiều hơn thời gian và công sức để có thêm những ấn phẩm có tầm như *Ấn chương Việt Nam*⁸ và *Kim ngọc bảo tỷ*⁹./.

P.Q.Q

Tài liệu dẫn và chú thích:

- 1- *Tài liệu do đồng nghiệp của Bảo tàng Lịch sử Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh cung cấp - Hiện vật mới sưu tầm năm 2012.*
- 2- *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập III, Hà Nội, 1960.
- 3- Nguyễn Công Việt, *Ấn chương Việt Nam từ thế kỷ XV đến cuối thế kỷ XIX*, H, 2005, Tr. 107.
- 4- Nguyễn Công Việt, *Ấn chương Việt Nam từ thế kỷ XV đến cuối thế kỷ XIX*; đã dẫn, Tr. 119 - 120.
- 5- Nguyễn Văn Huyền, "Một số ấn đồng thời Lê Thánh Tông mới phát hiện tại Hà Nội", in trong *Nghiên cứu Lịch sử*, Số 158 - 1976.
- 6- *Tài liệu do TS. Nguyễn Anh Tuấn, Phó Giám đốc Bảo tàng thành phố Hồ Chí Minh cung cấp.*
- 7- Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội - Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch Hà Nội, *Câu lạc bộ Những người yêu cổ ngoạn Hà Nội, Thú chơi cổ ngoạn của người Hà Nội xưa*, H, 2012, Tr. 53.
- 8- Nguyễn Công Việt, *Ấn chương Việt Nam từ thế kỷ XV đến cuối thế kỷ XIX*, đã dẫn.
- 9- Bảo tàng Lịch sử Việt Nam (Nguyễn Đình Chiến, Phạm Quốc Quân, Nguyễn Công Việt), *Kim ngọc bảo tỷ của hoàng đế và vương hậu triều Nguyễn Việt Nam*, H, 2009.